

Số: 1028/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 14 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025
của phường Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30/3/2026 của Hội đồng nhân dân phường Bình Dương về việc phê chuẩn báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách phường Bình Dương năm 2025;

Xét đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Tờ trình số 315/TTr-KTHTĐT ngày 14/4/2025 về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025 của phường Bình Dương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2025 của phường Bình Dương (theo các biểu mẫu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND - UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố HCM;
- Sở Tài chính Thành phố HCM;
- Đảng ủy, HĐND phường;
- Các cơ quan, đơn vị cấp phường;
- BDH 20 khu phố;
- Lưu: VT, BPKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Chí Thành

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 14/12/2026 của UBND phường Bình Dương)



ĐVT: đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm 2025			So sánh			
		HĐND TP, HĐND phường giao	UBND TP giao	Quyết toán năm 2025	Quyết toán/DT HĐND TP, HĐND phường giao		Quyết toán/DT UBND TP phường giao	
					Tuyệt đối	Tương đối	Tuyệt đối	Tương đối
A	B	1	2	3	4=3-1	5=3/1	6=3-2	7=3/2
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	372,644,000,000	475,171,787,091	469,444,483,494	96,800,483,494	125.98	-5,727,303,597	98.79
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	45,778,000,000	45,778,000,000	48,661,045,317	2,883,045,317	106.30	2,883,045,317	106.30
1	Thu NSDP hưởng 100%	39,438,000,000	39,438,000,000	37,894,191,025	-1,543,808,975	96.09	-1,543,808,975	96.09
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	6,340,000,000	6,340,000,000	10,766,854,292	4,426,854,292	169.82	4,426,854,292	169.82
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	312,561,000,000	415,088,787,091	356,435,285,051	43,874,285,051	114.04	-58,653,502,040	85.87
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	203,493,000,000	203,493,000,000	203,493,000,000		100.00		100.00
2	Thu bổ sung có mục tiêu	70,290,000,000	172,817,787,091	114,164,285,051	43,874,285,051	162.42	-58,653,502,040	66.06
	+ Bổ sung có mục tiêu	70,290,000,000	70,290,000,000	30,324,400,000	-39,965,600,000	43.14	-39,965,600,000	43.14
	+ Bổ sung có mục tiêu các chế độ, chính sách mới		102,527,787,091	83,839,885,051	83,839,885,051		-18,687,902,040	81.77
3	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên để thực hiện cải cách tiền lương	38,778,000,000	38,778,000,000	38,778,000,000		100.00		100.00
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính							
IV	Thu kết dư	0	0	9,440,976,707	9,440,976,707		9,440,976,707	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	14,305,000,000	14,305,000,000	54,907,176,419	40,602,176,419	383.83	40,602,176,419	383.83
B	TỔNG CHI NSDP	372,644,000,000	475,171,787,091	370,665,973,102	-1,978,026,898	99.47	-104,505,813,989	78.01
I	Tổng chi cân đối NSDP	372,644,000,000	475,171,787,091	350,877,739,766	-21,766,260,234	94.16	-124,294,047,325	73.84
1	Chi đầu tư phát triển	34,270,000,000	34,270,000,000	0	-34,270,000,000	0.00	-34,270,000,000	0.00
2	Chi thường xuyên	326,226,000,000	428,753,787,091	348,180,289,766	21,954,289,766	106.73	-80,573,497,325	81.21
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay							
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính							
5	Dự phòng ngân sách	12,148,000,000	12,148,000,000		-12,148,000,000	0.00	-12,148,000,000	0.00
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				0		0	
7	Chi nộp ngân sách cấp trên			2,697,450,000	2,697,450,000		2,697,450,000	
II	Chi các chương trình mục tiêu							
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia							
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ							
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau			19,788,233,336			19,788,233,336	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP			98,778,510,392			98,778,510,392	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP							
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc							
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh							
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP						0	
I	Vay để bù đắp bội chi						0	
II	Vay để trả nợ gốc						0	

Biểu mẫu số 49
 Nghị định 31/2017/NĐ-CP

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU CHẤM AN SÁCH CẤP PHƯỜNG NĂM 2025
 (Phụ lục kèm theo Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 24/11/2026 của UBND phường Bình Dương)



DVT: đồng

Stt	Nội dung	Du toán		Quyết toán	So sánh (%)	
		HĐND TP, HĐND phường giao	UBND TP giao		Quyết toán/DT HĐND TP, HĐND phường giao	Quyết toán/DT UBND TP phường giao
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG					
I	Nguồn thu ngân sách	372,644,000,000	475,171,787,091	469,444,483,494	125.98	98.79
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	45,778,000,000	45,778,000,000	48,661,045,317	106.30	106.30
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	312,561,000,000	415,088,787,091	356,435,285,051	114.04	85.87
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	203,493,000,000	203,493,000,000	203,493,000,000	100.00	100.00
-	Thu bổ sung có mục tiêu	70,290,000,000	172,817,787,091	114,164,285,051	162.42	66.06
	+ Bổ sung có mục tiêu		70,290,000,000	30,324,400,000		43.14
	+ Bổ sung có mục tiêu các chế độ, chính sách mới		102,527,787,091	83,839,885,051		81.77
-	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên để thực hiện cải cách tiền lương	38,778,000,000	38,778,000,000	38,778,000,000	100.00	100.00
3	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính					
4	Thu kết dư	0	0	9,440,976,707		
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	14,305,000,000	14,305,000,000	54,907,176,419	383.83	383.83
6	Huy động nguồn CCTL	0	0			
II	Chi ngân sách	372,644,000,000	475,171,787,091	370,665,973,102	99.47	78.01
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp phường	372,644,000,000	475,171,787,091	348,180,289,766	93.44	73.27
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp phường					
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách					
-	Chi bổ sung có mục tiêu					
3	Chi nộp ngân sách cấp trên			2,697,450,000		
4	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau			19,788,233,336		
III	Bội chi NSDP/Bội thu NSDP			98,778,510,392		



Biểu mẫu số 50
Nghị định 31/2017/NĐ-CP

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của UBND phường Bình Dương)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dự toán				Quyết toán		So sánh (%)			
		HĐND TP, HĐND phường giao		UBND TP giao				Quyết toán/DT HĐND TP, HĐND phường giao		Quyết toán/DT UBND TP giao	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 5/1	8 = 6/2	9 = 5/3	10 = 6/4
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	398,004,000,000	372,644,000,000	500,531,787,091	475,171,787,091	1,314,471,377,127	469,444,483,494	330.27	125.98	262.61	98.79
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	71,138,000,000	45,778,000,000	71,138,000,000	45,778,000,000	893,687,938,950	48,661,045,317	1,256.27	106.30	1,256.27	106.30
I	Thu nội địa	71,138,000,000	45,778,000,000	71,138,000,000	45,778,000,000	935,322,605,230	48,661,045,317	1,314.80	106.30	1,314.80	106.30
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1)										
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước					38,359,612,289					
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					134,918,861,607					
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					319,351,305,958					
5	Thuế thu nhập cá nhân					159,532,675,444					
6	Thuế bảo vệ môi trường					147,702,000					
7	Lệ phí trước bạ	31,700,000,000	6,340,000,000	31,700,000,000	6,340,000,000	105,318,312,356	10,766,854,292	332.23	169.82	332.23	169.82
8	Thu phí, lệ phí	1,396,000,000	1,396,000,000	1,396,000,000	1,396,000,000	6,517,411,444	1,705,061,403	466.86	122.14	466.86	122.14
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	35,372,000,000	35,372,000,000	35,372,000,000	35,372,000,000	32,318,182,605	32,318,182,605	91.37	91.37	91.37	91.37
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					14,397,831,379					
11	Thu tiền sử dụng đất					115,248,659,480					
12	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước										
13	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết										
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					24,677,195					
15	Thu khác ngân sách	2,670,000,000	2,670,000,000	2,670,000,000	2,670,000,000	9,187,373,473	3,870,947,017	344.10	144.98	344.10	144.98
16	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác										
17	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)										
18	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)										
19	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)										
II	Thu từ dầu thô										
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất, nhập khẩu					-41,634,666,280					
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu										
2	Thuế xuất khẩu										
3	Thuế nhập khẩu										
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu										
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu										
6	Thu khác										
7	Hoàn thuế GTGT					-41,634,666,280					
IV	Thu viện trợ										
B	THU TỪ QUỸ DỰ TRÙ TÀI CHÍNH										
C	THU TRỢ CẤP	312,561,000,000	312,561,000,000	415,088,787,091	415,088,787,091	356,435,285,051	356,435,285,051	114.04	114.04	85.87	85.87
D	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC					9,440,976,707	9,440,976,707				
E	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG	14,305,000,000	14,305,000,000	14,305,000,000	14,305,000,000	54,907,176,419	54,907,176,419	383.83	383.83	383.83	383.83

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của UBND phường Bình Dương)



ĐVT: đồng

Stt	Nội dung	Dự toán		Quyết toán	So sánh (%)	
		HĐND TP, HĐND phường giao	UBND TP giao		Quyết toán/DT HĐND TP, HĐND phường giao	Quyết toán/DT UBND TP giao
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG CHI NSĐP	372,644,000,000	475,171,787,091	370,665,973,102	99.47	78.01
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	372,644,000,000	475,171,787,091	348,180,289,766	93.44	73.27
I	Chi đầu tư phát triển	34,270,000,000	34,270,000,000	0		
1	Chi đầu tư cho các dự án	33,770,000,000	33,770,000,000	0		
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>					
-	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>					
-	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>					
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>					
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>					
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>					
-	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>					
	+ Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề					
	+ Chi khoa học và công nghệ					
-	<i>Vốn bổ sung có mục tiêu</i>					
	+ Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề					
	+ Chi khoa học và công nghệ					
-	<i>Vốn kết dư ngân sách thành phố</i>					
	+ Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề					
	+ Chi khoa học và công nghệ					
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật					
3	Chi đầu tư phát triển khác	500,000,000	500,000,000			
II	Chi thường xuyên	326,226,000,000	428,753,787,091	348,180,289,766	106.73	81.21
	<i>Trong đó:</i>					
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>174,919,000,000</i>	<i>232,962,000,000</i>	<i>200,819,349,971</i>	<i>114.81</i>	<i>86.20</i>
2	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>					
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay					
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
V	Dự phòng ngân sách	12,148,000,000	12,148,000,000		0.00	0.00
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương					
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU					
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ					
C	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			2,697,450,000		
E	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			19,788,233,336		

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của UBND phường Bình Dương)



ĐVT: đồng

Stt	Nội dung	Quyết toán		Quyết toán	So sánh (%)	
		HĐND TP, HĐND phường giao	UBND TP phường giao		Quyết toán/DT HĐND TP, HĐND phường giao	Quyết toán/DT UBND phường giao
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG CHI NSDP	372,644,000,000	475,171,787,091	370,665,973,102	99.47	78.01
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI NSDP	0	0	0		
B	CHI NGÂN SÁCH THEO LĨNH VỰC	372,644,000,000	475,171,787,091	350,877,739,766	94.16	73.84
I	Chi đầu tư phát triển	34,270,000,000	34,270,000,000	0	0.00	0.00
1	Chi đầu tư cho các dự án	33,770,000,000	33,770,000,000	0	0.00	0.00
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật					
3	Chi đầu tư phát triển khác	500,000,000	500,000,000		0.00	0.00
II	Chi thường xuyên	326,226,000,000	428,753,787,091	348,180,289,766	106.73	81.21
1	Các hoạt động kinh tế	22,145,000,000	22,145,000,000	16,896,498,112	76.30	76.30
	- Nông nghiệp, Thủy lợi, công nghiệp khác	71,000,000	71,000,000	70,974,000	99.96	99.96
	- Giao thông	4,272,000,000	4,272,000,000	3,998,013,770	93.59	93.59
	- Kiến thiết thị chính	12,036,000,000	12,036,000,000	9,232,749,152	76.71	76.71
	- Sự nghiệp kinh tế khác	5,766,000,000	5,766,000,000	3,594,761,190	62.34	62.34
2	Bảo vệ môi trường	1,359,000,000	1,359,000,000	500,090,650	36.80	36.80
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	174,919,000,000	232,203,560,000	200,819,349,971	114.81	86.48
4	Chi y tế, dân số và gia đình	10,136,000,000	10,136,000,000	5,113,828,798	50.45	50.45
5	Chi văn hoá-thông tin	3,518,000,000	3,518,000,000	2,767,419,684	78.66	78.66
6	Chi thể dục-thể thao	2,500,000,000	2,500,000,000	1,676,460,436	67.06	67.06
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	2,199,000,000	2,199,000,000	1,157,381,242	52.63	52.63
8	Chi khoa học và công nghệ	0	9,373,639,465			0.00
9	Chi bảo đảm xã hội	10,594,000,000	22,617,100,000	14,291,361,476	134.90	63.19
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	66,847,000,000	86,319,547,626	75,139,828,322	112.41	87.05
	- Chi quản lý nhà nước	44,252,000,000	57,738,735,438	52,357,813,701	118.32	90.68
	- Chi hoạt động của cơ quan Đảng	12,555,000,000	14,759,500,000	12,390,398,093	98.69	83.95
	- Chi h/động của các tổ chức chính trị xã hội, hỗ trợ hội	10,040,000,000	13,821,312,188	10,391,616,528	103.50	75.19
11	Chi an ninh quốc phòng địa phương	32,009,000,000	32,200,500,000	29,818,071,075	93.16	92.60
	- An ninh	15,492,000,000	15,492,000,000	13,910,334,360	89.79	89.79
	- Quốc phòng	16,517,000,000	16,708,500,000	15,907,736,715	96.31	95.21
12	Chi khác ngân sách (DT chưa phân bổ)		4,182,440,000			
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay					
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
V	Dự phòng ngân sách	12,148,000,000	12,148,000,000	0	0.00	
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương					
VII	Chi nộp trả ngân sách cấp trên			2,697,450,000		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0	0	19,788,233,336		



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025
(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND phường Bình Dương)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán HĐND TP, HĐND phường giao	Bao gồm		Dự toán UBND TP giao	Bao gồm		Quyết toán	So sánh (%)			So sánh (%)				
			Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)		Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)		Dự toán HĐND TP, HĐND	Dự toán UBND TP giao	Dự toán UBND					
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10 =7/1	11=8/2	12=9/3	13=7/4	14=8/5	15=8/6
	TỔNG CHI NSDP	372,644,000,000	0	372,644,000,000	475,171,787,091	0	475,171,787,091	370,665,973,102		370,665,973,102	99.47		99.47	78.01		78.01
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	372,644,000,000	0	372,644,000,000	475,171,787,091	0	475,171,787,091	348,180,289,766		348,180,289,766	93.44		93.44	73.27		73.27
I	Chi đầu tư phát triển	34,270,000,000	0	34,270,000,000	34,270,000,000	0	34,270,000,000							0.00		0.00
1	Chi đầu tư cho các dự án	33,770,000,000		33,770,000,000	33,770,000,000		33,770,000,000							0.00		0.00
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>															
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề															
	- Chi khoa học và công nghệ															
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>															
	- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất															
	- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết															
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật															
3	Chi đầu tư phát triển khác	500,000,000		500,000,000	500,000,000		500,000,000									
II	Chi thường xuyên	326,226,000,000		326,226,000,000	428,753,787,091		428,753,787,091	348,180,289,766		348,180,289,766	106.73		106.73	81.21		81.21
	<i>Trong đó:</i>															
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	174,919,000,000		174,919,000,000	232,962,000		232,962,000,000	200,819,349,971		200,819,349,971	114.81		114.81	#####		86.20
2	Chi khoa học và công nghệ															
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay															
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính															
V	Dự phòng ngân sách	12,148,000,000		12,148,000,000	12,148,000,000		12,148,000,000									
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương															
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU															
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia															
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)															
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ															
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)															
C	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN							2,697,450,000		2,697,450,000						
E	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU							19,788,233,336		19,788,233,336						

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯƠNG
CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔNG CỘNG TEO LĨNH VỰC NĂM 2025**
(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của UBND phường Bình Dương)



DVT: đồng

Stt	Tên đơn vị	Dự toán phân bổ			Quyết toán									So sánh (%)			
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (không kể chương trình MTQG)	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi nộp ngân sách cấp trên	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên khác
										Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=4/1	15=5/2	16=6/3
	Tổng	475,171,787,091	34,270,000,000	440,901,787,091	370,665,973,102	0	348,180,289,766	0	0	0	0	0	2,697,450,000	19,788,233,336	78	0	84
I	CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	463,023,787,091	34,270,000,000	428,753,787,091	348,180,289,766	0	348,180,289,766	0	0	0	0	0			75	0	81
01	UBND phường	93,160,440,000	30,754,000,000	62,406,440,000	58,222,046,199		58,222,046,199								62		93
	- Kinh phí đã sử dụng của 4 phường trước sáp nhập	88,978,000,000	30,754,000,000	58,224,000,000													
	- Kinh phí giữ lại chưa phân bổ	4,182,440,000		4,182,440,000													
02	VP Đảng ủy	12,284,058,400		12,284,058,400	8,414,738,999		8,414,738,999								69		69
03	Ủy ban MTTQ VN phường	8,825,540,188	0	8,825,540,188	7,550,956,943	0	7,550,956,943								86		86
04	VP HDND-UBND	25,469,735,438		25,469,735,438	21,817,749,783		21,817,749,783								86		86
05	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	18,465,500,000	3,516,000,000	14,949,500,000	7,675,845,774		7,675,845,774								42		51
06	Phòng Văn hóa-Xã hội	50,895,673,483		50,895,673,483	29,768,061,037		29,768,061,037								58		58
07	Trung tâm PV Hành chính công	9,232,779,582		9,232,779,582	2,170,820,357		2,170,820,357								24		24
08	Quân sự	10,219,000,000		10,219,000,000	9,431,439,345		9,431,439,345								92		92
09	Công an	9,321,500,000		9,321,500,000	7,452,287,858		7,452,287,858								80		80
10	Trường Mầm Non Hoa Mai	13,708,760,000		13,708,760,000	12,571,472,692		12,571,472,692								92		92
11	Trường Mầm Non Phú Tân	9,560,800,000		9,560,800,000	8,481,753,991		8,481,753,991								89		89
12	Trường Mầm Non Phú Chánh	7,927,400,000		7,927,400,000	7,149,847,545		7,149,847,545								90		90
13	Trường Mầm Non Hòa Phú	9,548,000,000		9,548,000,000	9,129,158,435		9,129,158,435								96		96
14	Trường Tiểu học Phú Tân	22,862,840,000		22,862,840,000	20,436,115,823		20,436,115,823								89		89
15	Trường Tiểu học Phú Chánh	23,952,720,000		23,952,720,000	16,304,251,773		16,304,251,773								68		68
16	Trường Tiểu học Phú Mỹ	33,161,880,000		33,161,880,000	28,451,027,423		28,451,027,423								86		86
17	Trường Tiểu học Hòa Phú	30,902,560,000		30,902,560,000	28,164,007,907		28,164,007,907								91		91
18	Trường THCS Phú Mỹ	35,647,000,000		35,647,000,000	30,624,473,804		30,624,473,804								86		86
19	Trường THCS Phú Chánh	12,528,400,000		12,528,400,000	10,966,806,018		10,966,806,018								88		88
20	Trường THCS Hòa Phú	25,349,200,000		25,349,200,000	23,397,428,060		23,397,428,060								92		92
II	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY																
III	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH																
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	12,148,000,000		12,148,000,000	0												
V	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				2,697,450,000		2,697,450,000						2,697,450,000				
VI	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	0			0												
VII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU				19,788,233,336								19,788,233,336				

Biểu mẫu số 55
Nghị định 31/2017/NĐ-CP

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ CỦA NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG NĂM 2025
(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 27/10/2024 của UBND phường Bình Dương)



DVT: đồng

Stt	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự ATXH	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi VHT T	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi TDT T	Chi BVMT	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi đảm bảo XH	Chi đầu tư khác	So sánh %
														Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				
A	B	l	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18=2/1
	Tổng số			0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0
01	UBND phường Bình Dương	34,270,000,000	0																

Ghi chú: Thực hiện Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về tiếp nhận Kế hoạch đầu tư công 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang kế hoạch năm 2025 của 03 tỉnh thành (gồm Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu và tỉnh Bình Dương trước khi sắp xếp, theo đó nguồn vốn của các phường trước sắp xếp là nguồn vốn cấp phường, tuy nhiên sau sắp xếp là nguồn vốn của ngân sách thành phố Hồ Chí Minh

**QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG
CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC KHIẾM LĨNH VỰC NĂM 2025**

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của UBND phường Bình Dương)

ĐVT: đồng

Stt	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Bao gồm			Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn còn lại	Trong đó	
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh			Chuyển nguồn sang năm sau	Hủy bỏ
A	B	I=2+3+4	2	3	4	5	6=7+8	7	8
	Tổng cộng	434,911,109,800	6,157,322,709	271,941,000,000	156,812,787,091	348,180,289,766	86,835,820,034	19,788,233,336	67,047,586,698
01	UBND phường	69,052,840,000		61,201,000,000	7,851,840,000	58,222,046,199	10,830,793,801		10,830,793,801
	- Kinh phí đã sử dụng của 4 phường trước sáp nhập	58,224,000,000		57,428,000,000	796,000,000	58,222,046,199	1,953,801		1,953,801
	- Kinh phí giữ lại chưa phân bổ	4,182,440,000			4,182,440,000		4,182,440,000		4,182,440,000
	- Kinh phí tiết kiệm 10% CCTL giữ lại	4,530,400,000		3,773,000,000	757,400,000		4,530,400,000		4,530,400,000
	- Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2025 theo NQ 173/NQ-CP (nộp NS cấp trên)	2,116,000,000			2,116,000,000		2,116,000,000		2,116,000,000
02	VP Đảng ủy	11,914,508,400	0	6,545,000,000	5,369,508,400	8,414,738,999	3,604,769,401	1,532,533,575	2,072,235,826
03	Ủy ban MTTQ VN phường	8,418,940,188	0	7,674,000,000	744,940,188	7,550,956,943	867,983,245	537,893,619	330,089,626
04	VP HĐND-UBND	24,903,135,438		10,770,000,000	14,133,135,438	21,817,749,783	3,085,385,655	75,052,215	3,010,333,440
05	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	13,711,750,000		9,963,000,000	3,748,750,000	7,675,845,774	6,035,904,226	32,527,201	6,003,377,025
06	Phòng Văn hóa-Xã hội	50,386,123,483		7,228,000,000	43,158,123,483	29,768,061,037	20,618,062,446	3,942,291,081	16,675,771,365
07	Trung tâm Hành chính công	9,050,779,582			9,050,779,582	2,170,820,357	6,879,959,225	5,108,235,184	1,771,724,041
08	Quân sự	10,117,150,000		8,165,000,000	1,952,150,000	9,431,439,345	685,710,655	21,860,717	663,849,938
09	Công an	9,216,000,000		9,750,000,000	-534,000,000	7,452,287,858	1,763,712,142		1,763,712,142
10	Trường Mầm Non Hoa Mai	13,834,497,509	248,737,509	10,140,000,000	3,445,760,000	12,571,472,692	1,263,024,817	388,281,230	874,743,587
11	Trường Mầm Non Phú Tân	9,725,078,321	348,278,321	6,708,000,000	2,668,800,000	8,481,753,991	1,243,324,330	448,493,499	794,830,831
12	Trường Mầm Non Hòa Phú	10,221,062,561	816,062,561	6,796,000,000	2,609,000,000	9,129,158,435	1,091,904,126	190,594,679	901,309,447
13	Trường Mầm Non Phú Chánh	7,805,611,317	2,211,317	5,645,000,000	2,158,400,000	7,149,847,545	655,763,772	163,091,345	492,672,427
14	Trường Tiểu học Phú Mỹ	34,233,800,702	1,572,920,702	23,745,000,000	8,915,880,000	28,451,027,423	5,782,773,279	1,628,464,675	4,154,308,604
15	Trường Tiểu học Phú Tân	23,369,072,418	797,232,418	16,753,000,000	5,818,840,000	20,436,115,823	2,932,956,595	837,557,227	2,095,399,368
16	Trường Tiểu học Hòa Phú	31,225,838,390	886,278,390	22,033,000,000	8,306,560,000	28,164,007,907	3,061,830,483	1,279,939,526	1,781,890,957
17	Trường Tiểu học Phú Chánh	23,691,349,274	45,629,274	11,289,000,000	12,356,720,000	16,304,251,773	7,387,097,501	211,621,405	7,175,476,096
18	Trường THCS Phú Mỹ	35,795,618,398	587,618,398	23,659,000,000	11,549,000,000	30,624,473,804	5,171,144,594	2,051,484,602	3,119,659,992
19	Trường THCS Hòa Phú	25,960,553,819	852,353,819	16,764,000,000	8,344,200,000	23,397,428,060	2,563,125,759	1,101,212,779	1,461,912,980
20	Trường THCS Phú Chánh	12,277,400,000		7,113,000,000	5,164,400,000	10,966,806,018	1,310,593,982	237,098,777	1,073,495,205

Ghi chú

Kinh phí tiết kiệm 10% CCTL giữ lại bao gồm: VP Đảng ủy: 264 triệu 550 ngàn đồng; UB MTTQVN: 275 triệu 600 ngàn đồng; VP HĐND-UBND: 434 triệu 600 ngàn đồng; Phòng VHXX: 381 triệu 550 ngàn đồng; Phòng KTHTĐT: 655 triệu 750 ngàn đồng; TTHCC: 93 triệu đồng; Quân sự: 61 triệu 350 ngàn đồng; Công an: 40 triệu đồng; Trường MN Hoa Mai: 104 triệu đồng; MN Phú Tân: 79 triệu đồng; MN Phú Chánh: 96 triệu đồng; MN Hòa Phú: 77 triệu đồng; TH Phú Mỹ: 363 triệu đồng; TH Phú Tân: 255 triệu đồng; TH Hòa Phú: 377 triệu đồng; TH Phú Chánh: 285 triệu đồng; THCS Mỹ: 286 triệu đồng; THCS Hòa Phú: 183 triệu đồng; THCS Phú Chánh: 219 triệu đồng)

Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2025 theo Nghị quyết 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ bao gồm: VP Đảng ủy: 105 triệu đồng; UB MTTQVN: 131 triệu đồng; VP HĐND-UBND: 132 triệu đồng; Phòng VHXX: 128 triệu đồng; Phòng KTHTĐT: 582 triệu đồng; TTHCC: 89 triệu đồng; Quân sự: 54 triệu đồng; Công an: 52 triệu đồng; Trường MN Hoa Mai: 19 triệu đồng; MN Phú Tân: 105 triệu đồng; MN Phú Chánh: 28 triệu đồng; MN Hòa Phú: 66 triệu đồng; TH Phú Mỹ: 138 triệu đồng; TH Phú Tân: 36 triệu đồng; TH Hòa Phú: 186 triệu đồng; TH Phú Chánh: 22 triệu đồng; THCS Mỹ: 153 triệu đồng; THCS Hòa Phú: 58 triệu đồng; THCS Phú Chánh: 32 triệu đồng)

Biểu mẫu số 60
Nghị định 31/2017/NĐ-CP

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của UBND phường Bình Dương)



Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSDP	Trong đó					Thu từ kết dư năm trước
			Thu NSDP hưởng theo phân cấp	Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ	469,444,483,494	48,661,045,317	203,493,000,000	38,778,000,000	114,164,285,051	54,907,176,419	9,440,976,707
1	UBND phường Bình Dương	469,444,483,494	48,661,045,317	203,493,000,000	38,778,000,000	114,164,285,051	54,907,176,419	9,440,976,707

Biểu mẫu số 63
Nghị định 31/2017/NĐ-CP

QUYẾT TOÁN TÀI CHÍNH CỦA CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ NĂM 2025
(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của UBND phường Bình Dương)

ĐVT: đồng



STT	Tên quỹ	Dư nguồn đến ngày 31/12/2024	Kế hoạch năm				Thực hiện năm 2025				Dư nguồn
			Tổng nguồn vốn phát		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	Tổng nguồn vốn phát		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	
			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP (nếu có)			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP (nếu có)			
A	B	1	2	3	4	5=2-4	7	8	9	7=8-9	11=6+7-9
01	Quỹ đền ơn đáp nghĩa		286,000,000		200,000,000	86,000,000	286,426,000			286,426,000	286,426,000
02	Quỹ vì người nghèo		682,000,000		100,000,000	582,000,000	1,132,804,808		106,840,000	1,025,964,808	1,025,964,808
03	Quỹ chăm sóc NCT		82,000,000		40,000,000	42,000,000	82,920,000			82,920,000	82,920,000
04	Quỹ bảo trợ trẻ em		25,000,000			25,000,000	25,263,360			25,263,360	25,263,360
05	Quỹ tôn tạo nghĩa trang		773,000,000			773,000,000	773,787,000			773,787,000	773,787,000



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 14 tháng 4 năm 2026

THUYẾT MINH

Quyết toán ngân sách phường Bình Dương năm 2025 (Kèm theo Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường Bình Dương)

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 374/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 của Thành phố Hồ Chí Minh sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 375/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phân bổ dự toán ngân sách năm 2025 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 409/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 410/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh phân bổ dự toán ngân sách năm 2025 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị Quyết số 440/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị Quyết số 441/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh phân bổ dự toán ngân sách năm 2025 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 của Thành phố Hồ Chí Minh sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các Sở, ban, ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường;

Căn cứ Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các Sở, ban, ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường;

Căn cứ Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;

Căn cứ Quyết định số 1147/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 để thực hiện chính sách tặng quà nhân dân nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9 theo Nghị quyết số 263/NQ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ sung có mục tiêu năm 2025 cho ngân sách các xã, phường;

Căn cứ Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2706/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ sung có mục tiêu dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;

Căn cứ Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2795/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ sung có mục tiêu dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;

Căn cứ Quyết định số 2852/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu thực hiện Đề án hoàn thiện hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin cho Ủy ban nhân dân cấp xã và Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 3362/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ sung có mục tiêu dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu;

Căn cứ Quyết định số 3425/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ sung có mục tiêu dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho Ủy ban nhân dân xã, phường (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 3442/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu;

Căn cứ Quyết định số 3617/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ sung có mục tiêu dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho Ủy ban nhân dân xã, phường;

Căn cứ Quyết định số 3647/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ sung có mục tiêu dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện chính sách tặng quà của Đảng, Nhà nước nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 theo Nghị quyết số 418/NQ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 29/7/2025 của Hội đồng nhân dân phường Bình Dương về việc dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách nhà nước phường Bình Dương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 17/10/2025 của Hội đồng nhân dân phường Bình Dương về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước của phường Bình Dương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân phường Bình Dương về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước của phường Bình Dương năm 2025;

Ủy ban nhân dân phường thuyết minh quyết toán ngân sách năm 2025 của phường Bình Dương như sau:

- Tổng thu ngân sách nhà nước 1.314 tỷ 471 triệu đồng, đạt 330,27% so với dự toán Hội đồng nhân dân Thành phố, Hội đồng nhân dân phường giao và đạt 262,61% dự toán Ủy ban nhân dân Thành phố giao. Trong đó, thu ngân sách địa phương 469 tỷ 444 triệu đồng, đạt 125,98% so với dự toán Hội đồng nhân dân Thành phố, Hội đồng nhân dân phường giao và đạt 98,79% dự toán Ủy ban nhân dân Thành phố giao, gồm thu từ nguồn thu nội địa: 48 tỷ 661 triệu đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 356 tỷ 435 triệu đồng, thu kết dư năm 2024 chuyển sang năm 2025 là 09 tỷ 441 triệu đồng và thu chuyển nguồn năm 2024 chuyển sang năm 2025 là 54 tỷ 907 triệu đồng.

- Tổng chi ngân sách địa phương 370 tỷ 666 triệu đồng, đạt 99,47% so với dự toán Hội đồng nhân dân thành phố, Hội đồng nhân dân phường giao và đạt 78,01% dự toán Ủy ban nhân dân Thành phố giao (bao gồm chi nộp trả ngân

sách cấp trên 2 tỷ 697 triệu đồng (*thực hiện tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 để hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo của các phường Phú Mỹ, Hòa Phú, Phú Tân, Phú Chánh trước đây theo Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 07/3/2025 của Chính phủ: 581 triệu đồng và tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ: 02 tỷ 116 triệu đồng*) và chi chuyển nguồn sang năm 2026 là 19 tỷ 788 triệu đồng; nếu loại trừ số chi nộp trả ngân sách cấp trên và chi chuyển nguồn sang năm 2026, đạt 93,44% so với dự toán Hội đồng nhân dân Thành phố, Hội đồng nhân dân phường giao và đạt 73,27% dự toán UBND thành phố giao).

Qua kết quả thu, chi ngân sách đã nêu trên, kết dư ngân sách địa phương năm 2025 là 98 tỷ 779 triệu đồng.

Sau đây là nội dung quyết toán thu, chi ngân sách địa phương theo lĩnh vực:

I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (NSNN)

* Tổng thu NSNN trên địa bàn phường Bình Dương 1.314 tỷ 471 triệu đồng, gồm:

- Tổng thu cân đối NSNN 893 tỷ 688 triệu đồng, đạt 1.256,27% so với dự toán Hội đồng nhân dân Thành phố, Hội đồng nhân dân phường giao và đạt 106,30% dự toán Ủy ban nhân dân thành phố giao, trong đó thu nội địa 935 tỷ 323 triệu đồng¹, đạt 1.314,80% so với dự toán Hội đồng nhân dân Thành phố, Hội đồng nhân dân phường giao và đạt 106,30% dự toán Ủy ban nhân dân Thành phố giao; Giảm thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu là 41 tỷ 635 triệu đồng (do hoàn thuế giá trị gia tăng năm 2025);

- Thu trợ cấp từ ngân sách cấp trên: 356 tỷ 435 triệu đồng.
- Thu kết dư năm 2024 chuyển sang năm 2025: 9 tỷ 441 triệu đồng.
- Thu chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025: 54 tỷ 907 triệu đồng.

* Tổng thu cân đối ngân sách phường: 469 tỷ 444 triệu đồng, gồm: thu nội địa là 48 tỷ 661 triệu đồng²; thu trợ cấp 356 tỷ 435 triệu đồng; thu kết dư 9 tỷ 441 triệu đồng; thu chuyển nguồn 54 tỷ 907 triệu đồng.

¹ - Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước: 38 tỷ 360 triệu đồng;

- Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài: 134 tỷ 919 triệu đồng;

- Thu thuế ngoài quốc doanh: 319 tỷ 351 triệu đồng;

- Thu thuế thu nhập cá nhân: 159 tỷ 533 triệu đồng;

- Thu thuế bảo vệ môi trường: 148 triệu đồng;

- Thu lệ phí trước bạ: 105 tỷ 318 triệu đồng, đạt 332,23% so với dự toán HĐND thành phố và HĐND phường giao;

- Thu phí, lệ phí: 6 tỷ 517 triệu đồng, đạt 466,86% so với dự toán HĐND thành phố và HĐND phường giao;

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 32 tỷ 318 triệu đồng, đạt 91,37% so với dự toán HĐND thành phố và HĐND phường giao;

- Thu tiền thuê đất: 14 tỷ 398 triệu đồng;

- Thu tiền sử dụng đất: 115 tỷ 249 triệu đồng;

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 25 triệu đồng;

- Thu khác ngân sách: 9 tỷ 187 triệu đồng, đạt 344,10% so với dự toán HĐND thành phố và HĐND phường giao.

² Thu lệ phí trước bạ: 10 tỷ 767 triệu đồng, đạt 169,82% so với dự toán HĐND thành phố và HĐND phường giao;

- Thu phí, lệ phí: 1 tỷ 705 triệu đồng, đạt 122,14% so với dự toán HĐND thành phố và HĐND phường giao;

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 32 tỷ 318 triệu đồng, đạt 91,37% so với dự toán HĐND thành phố và HĐND phường giao;

II. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2025 là 370 tỷ 666 triệu đồng, đạt 99,47% so với dự toán Hội đồng nhân dân Thành phố, Hội đồng nhân dân phường giao và đạt 78,01% dự toán UBND thành phố giao (*nếu loại trừ số chi nộp trả ngân sách cấp trên (2 tỷ 697 triệu đồng) và chi chuyển nguồn sang năm 2026 (19 tỷ 788 triệu đồng)*), đạt 93,44% so với dự toán HĐND thành phố, HĐND phường giao và đạt 73,27% dự toán UBND thành phố giao, bao gồm:

1. Chi đầu tư phát triển: không thực hiện do nguồn vốn đầu tư thuộc ngân sách cấp trên trực tiếp quản lý, thanh toán và quyết toán theo cơ chế phân cấp (nguồn vốn cấp 2) quy định tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của UBND thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, ngân sách phường không phát sinh nhiệm vụ chi đầu tư phát triển.

2. Chi thường xuyên: thực hiện 348 tỷ 180 triệu đồng, đạt 106,73% so với dự toán HĐND thành phố, HĐND phường giao và đạt 81,21% dự toán UBND thành phố giao, chiếm tỷ trọng 93,93% trên tổng chi ngân sách địa phương quyết toán năm 2025, cụ thể một số nội dung như sau:

2.1. Chi các hoạt động kinh tế: thực hiện 16 tỷ 896 triệu đồng, đạt 76,30%³ Nghị quyết HĐND thành phố và Nghị quyết HĐND phường giao, chiếm tỷ trọng 4,56% trong tổng chi ngân sách quyết toán năm 2025.

2.2. Chi bảo vệ môi trường: thực hiện 500 triệu 091 ngàn đồng, đạt 36,80%⁴ Nghị quyết HĐND thành phố và Nghị quyết HĐND phường giao, chiếm tỷ trọng 0,13% trong tổng chi ngân sách quyết toán năm 2025.

2.3. Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề: thực hiện 200 tỷ 819 triệu đồng, đạt 114,81%⁵ so với dự toán HĐND thành phố, HĐND phường giao và đạt 86,48% dự toán UBND thành phố giao, chiếm tỷ trọng 54,18% trong tổng chi ngân sách quyết toán năm 2025.

2.4. Chi y tế, dân số và gia đình: thực hiện 05 tỷ 114 triệu đồng, đạt 50,45%⁶ Nghị quyết HĐND thành phố và Nghị quyết HĐND phường giao, chiếm tỷ trọng 1,38% trong tổng chi ngân sách quyết toán năm 2025.

- Thu khác ngân sách: 3 tỷ 871 triệu đồng, đạt 144,98% so với dự toán HĐND thành phố và HĐND phường giao.

³ **Hoạt động kinh tế hủy dự toán 5 tỷ 249 triệu đồng, gồm:** Văn phòng HĐND-UBND: 4 triệu đồng; Trung tâm phục vụ hành chính công: 1 tỷ 788 triệu đồng; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị: 3 tỷ 457 triệu đồng.

⁴ **Bảo vệ môi trường Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị hủy dự toán 859 triệu đồng.**

⁵ **Chi giáo dục – đào tạo và dạy nghề hủy dự toán 31 tỷ 384 triệu đồng, gồm:** Trường Mầm non Hoa Mai: 875 triệu đồng; Trường Mầm non Phú Tân: 795 triệu đồng; Trường Mầm non Phú Chánh: 493 triệu đồng; Trường Mầm non Hòa Phú: 901 triệu đồng; Trường Tiểu học Phú Tân: 02 tỷ 095 triệu đồng; Trường Tiểu học Phú Chánh: 07 tỷ 175 triệu đồng; Trường Tiểu học Phú Mỹ: 04 tỷ 154 triệu đồng; Trường Tiểu học Hòa Phú: 01 tỷ 782 triệu đồng; Trường THCS Phú Mỹ: 03 tỷ 120 triệu đồng; Trường THCS Phú Chánh: 01 tỷ 073 triệu đồng; Trường THCS Hòa Phú: 01 tỷ 462 triệu đồng; Phòng VHXX: 07 tỷ 459 triệu đồng;

⁶ **Chi y tế, dân số và gia đình hủy dự toán 05 tỷ 022 triệu đồng, gồm:** Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị: 64 triệu đồng; Phòng VHXX: 04 tỷ 958 triệu đồng;

2.5. Chi văn hóa thông tin: thực hiện 02 tỷ 767 triệu đồng, đạt 78,66%⁷ Nghị quyết HĐND thành phố và Nghị quyết HĐND phường giao, chiếm tỷ trọng 0,75% trong tổng chi ngân sách quyết toán năm 2025.

2.6. Chi thể dục thể thao: thực hiện 01 tỷ 676 triệu đồng, đạt 67,06%⁸ Nghị quyết HĐND thành phố và Nghị quyết HĐND phường giao, chiếm tỷ trọng 0,45% trong tổng chi ngân sách quyết toán năm 2025.

2.7. Chi phát thanh: thực hiện 01 tỷ 157 triệu đồng, đạt 52,63%⁹ Nghị quyết HĐND thành phố và Nghị quyết HĐND phường giao, chiếm tỷ trọng 0,31% trong tổng chi ngân sách quyết toán năm 2025.

2.8. Chi khoa học công nghệ: không thực hiện do không phát sinh nhiệm vụ chi.

2.9. Chi đảm bảo xã hội: thực hiện 14 tỷ 291 triệu đồng, đạt 134,90%¹⁰ so với dự toán HĐND thành phố, HĐND phường giao và đạt 63,19% dự toán UBND thành phố giao, chiếm tỷ trọng 3,86% trong tổng chi ngân sách quyết toán năm 2025.

2.10. Chi Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: thực hiện 75 tỷ 140 triệu đồng, đạt 112,41%¹¹ so với dự toán HĐND thành phố, HĐND phường giao và đạt 87,05% dự toán UBND thành phố giao, chiếm tỷ trọng 20,27% trong tổng chi ngân sách quyết toán năm 2025. Trong đó:

- Chi quản lý hành chính: thực hiện 52 tỷ 358 triệu đồng, đạt 118,32% so với dự toán HĐND thành phố, HĐND phường giao và đạt 90,68% dự toán UBND thành phố giao, chiếm tỷ trọng 14,13% trong tổng chi ngân sách quyết toán năm 2025.

- Chi hoạt động của cơ quan Đảng: thực hiện 12 tỷ 390 triệu đồng, đạt 98,69% so với dự toán HĐND thành phố, HĐND phường giao và đạt 83,95% dự toán UBND thành phố giao, chiếm tỷ trọng 3,34% trong tổng chi ngân sách quyết toán năm 2025.

- Chi hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội, hỗ trợ hội: thực hiện 10 tỷ 392 triệu đồng, đạt 103,50% so với dự toán HĐND thành phố, HĐND phường giao và đạt 75,19% dự toán UBND thành phố giao, chiếm tỷ trọng 2,80% trong tổng chi ngân sách quyết toán năm 2025.

⁷ VHTT hủy dự toán 751 triệu đồng;

⁸ TDTT hủy dự toán 824 triệu đồng;

⁹ Phát thanh hủy dự toán 01 tỷ 042 triệu đồng;

¹⁰ Đảm bảo xã hội hủy dự toán 08 tỷ 326 triệu đồng: Chính sách và các hoạt động phục vụ người có công với cách mạng: 600 triệu đồng; Lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội: 02 triệu đồng; Chính sách và hoạt động phục vụ các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác: 07 tỷ 724 triệu đồng;

¹¹ Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể hủy dự toán 11 tỷ 180 triệu đồng (Các nội dung chi nghiệp vụ chuyên môn, chi thu nhập tăng thêm và chi khác của các đơn vị còn lại không sử dụng hết). Trong đó:

- Quản lý nhà nước: 05 tỷ 381 triệu đồng;

- Đảng: 02 tỷ 369 triệu đồng;

- Đoàn thể và các tổ chức hội: 03 tỷ 430 triệu đồng;

2.13. Chi an ninh, quốc phòng: thực hiện 29 tỷ 818 triệu đồng¹², đạt 93,16% so với dự toán HĐND thành phố, HĐND phường giao và đạt 92,60% dự toán UBND thành phố giao, chiếm tỷ trọng 8,04% trong tổng chi ngân sách quyết toán năm 2025 (Trong đó, chi An ninh: 13 tỷ 910 triệu đồng, đạt 89,79% Nghị quyết HĐND thành phố và Nghị quyết HĐND phường giao; chi Quốc phòng: 15 tỷ 908 triệu đồng, đạt 96,31% so với dự toán HĐND thành phố, HĐND phường giao và đạt 95,21% dự toán UBND thành phố giao).

2.14. Chi khác ngân sách: không thực hiện do không phát sinh nhiệm vụ chi.

3. Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 02 tỷ 697 triệu đồng (trong đó, tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 để hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo của các phường Phú Mỹ, Hòa Phú, Phú Tân, Phú Chánh trước đây theo Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 07/3/2025 của Chính phủ: 581 triệu đồng và tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ: 02 tỷ 116 triệu đồng);

4. Chi chuyển nguồn sang năm 2026: 19 tỷ 788 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 5,34% trong tổng chi ngân sách quyết toán năm 2025.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2025, mặc dù tình hình kinh tế sau sát nhập ảnh hưởng đến nguồn thu NSNN địa phương. Tuy nhiên, dưới sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của Đảng ủy, UBND cùng với sự phối hợp, nỗ lực của các ngành địa phương nên thu ngân sách nhà nước năm 2025 đảm bảo dự toán thành phố và HĐND phường giao. Chi ngân sách địa phương cơ bản đảm bảo dự toán được giao: chi thường xuyên đảm bảo chi lương, phụ cấp cho cán bộ công chức, viên chức và hoạt động của các ban ngành, Đảng, đoàn thể và các khu phố trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị địa phương về quản lý nhà nước trên các lĩnh vực hành chính, đô thị, vệ sinh môi trường, giáo dục, y tế, an sinh xã hội,... Đồng thời, các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn phường đều thực hiện nghiêm chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt kết quả đề ra.

Bên cạnh những thuận lợi, trong điều hành ngân sách tài chính còn khó khăn, hạn chế: một số nội dung, nhiệm vụ chi chưa đạt dự toán cao, nguyên nhân tiết kiệm 10% cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ và tiết kiệm 5% chi thường xuyên NSNN theo Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 07/3/2025 của Chính phủ, chi chuyển nguồn sang năm sau về chi thường xuyên chủ yếu là chuyển nguồn cải cách tiền lương.

Trên đây là thuyết minh quyết toán ngân sách năm 2025 của phường Bình Dương.

¹² An ninh, quốc phòng hủy dự toán 02 tỷ 383 triệu đồng, trong đó:

- An ninh: 01 tỷ 582 triệu đồng;
- Quốc phòng: 801 triệu đồng;